



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 8)

LIST OF ACCREDITED CALIBRATIONS (No 8)

*(Kèm theo Quyết định số/Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 05 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận
chất lượng quốc gia/ of BoA Director)*

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng Đo lường Điện từ trường Viện đo lường Việt Nam
Laboratory:	Laboratory of Electromagnetic Vietnam Metrology Institute
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
Organization:	Commission for Standards, Metrology and Quality of Viet Nam
Số hiệu/ Code:	VILAS 072
Chuẩn mực công nhận/ Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Đo lường - Hiệu chuẩn
Field:	Measurement – Calibration
Người quản lý/ Laboratory manager:	Đoàn Anh Khoa
Hiệu lực công nhận/ Period of Validation:	từ ngày /05 /2025 đến ngày 19/06/2030
Địa chỉ/ Address:	Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Địa điểm/ Location:	Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Điện thoại/ Tel:	84 2438361133
E-mail:	dientutruong@vmi.gov.vn

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 8)*LIST OF ACCREDITED CALIBRATIONS (No 8)***VILAS 072****Phòng Đo lường Điện từ trường/ *Laboratory of Electromagnetic***Lĩnh vực hiệu chuẩn: **Điện***Field of Calibration: Electrical*

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ calibrated equipment</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ^{1/} <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
01	Máy đo công suất tần số cao <i>Radio frequency power meters</i>	100 pW ~ 30 W 10 MHz ~ 26,5 GHz	ĐLVN 102:2002	2 %
			VMI-CP 35:2015 và/ <i>and</i> Phần mềm/ <i>software</i> SURECAL-V5.2	
02	Bộ suy giảm tần số cao <i>Attenuator</i>	(0,1 ~ 110) dB 100 kHz ~ 18 GHz	ĐLVN 103:2002	0,1 dB
			VMI-CP 09:2013 và/ <i>and</i> Phần mềm/ <i>software</i> SURECAL-V5.2	

Ghi chú / Note:

- ĐLVN: Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam/ *Technical measurement documents*;

- VMI.CP-xx:yyyy: Quy trình hiệu chuẩn nội bộ ban hành năm yyyy/ *Laboratory-developed calibration procedure issued in the year of yyyy*;

(1) Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, dùng hệ số phủ $k=2$ và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. *Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, using a coverage factor $k=2$ and expressed with maximum 2 significance digits.*

Trường hợp Viện đo lường Việt Nam cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Viện đo lường Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này. *It is mandatory for the Vietnam Metrology Institute that provides the calibration, testing of measuring instruments, measurement standard services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the services./.*

